

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG HỢP TÁC
CUNG CẤP DỊCH VỤ THANH TOÁN

Số: [STT]-[tháng]-[năm] -[Loại Hợp đồng]/TMN

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2006;
- Nhu cầu và khả năng cung cấp dịch vụ của các bên.

Hợp đồng này được lập vào ngày...tháng...năm....., giữa:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN IPAY

Địa chỉ ĐKKD	: Số nhà 66B, Khu cầu Đơ 4, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Hà Nội
Điện thoại	: (84.4) 364 06627
Mã số thuế	: 0106086776
Số tài khoản	: 000.89916.011
Ngân hàng	: Ngân hàng Tiên Phong – Phòng Giao dịch Ba Đình
Đại diện bởi	: Ông Luyện Ngọc Huy
Chức vụ	: Tổng Giám đốc

BÊN B:.....

Họ tên:	
Ngày tháng năm sinh:	
CMTND/Hộ chiếu số:	
Ngày cấp:	/ / ;Nơi cấp:
Địa chỉ:	
Điện thoại:	Email:
Số Tài khoản:	Tại Ngân hàng:
Mã số Đại lý:	

Xét rằng:

Bên A là Doanh nghiệp có năng lực cung ứng dịch vụ thanh toán theo quy định hiện hành của Pháp luật;

Bên B là Cá nhân có nhu cầu hợp tác và phát triển các dịch vụ: thanh toán hóa đơn, thanh toán tiền điện thoại và các dịch vụ khác do Bên A cung cấp.

Vì vậy, hai Bên đồng ý ký kết Hợp đồng này với những điều kiện và điều khoản sau:

Điều 1: Giải thích từ ngữ:

Trong Hợp đồng này, tùy theo từng ngữ cảnh cụ thể, cụm từ, cụm từ viết tắt và khái niệm được định nghĩa dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- 1.1. **“Hợp đồng”**: được hiểu là Hợp đồng này, Phụ lục A, Phụ lục B, Phụ lục C và các văn bản thỏa thuận bổ sung, điều chỉnh Hợp đồng trong quá trình thực hiện Hợp đồng (nếu có).
- 1.2. **“Các Bên”**: là cả hai Bên tham gia Hợp đồng này và “Bên” là bất kỳ một Bên nào trong số hai Bên.
- 1.3. **“Dịch vụ”**: được hiểu là các dịch vụ thanh toán mà 1PAY cung cấp.
- 1.4. **“Thiết bị đầu cuối (POS)”**: là thiết bị tương tác giữa đại lý, khách hàng và hệ thống của Bên A do Bên A cung cấp để Bên B vận hành các dịch vụ của Bên A.
- 1.5. **“Tài liệu Marketing”**: là các tài liệu phục vụ cho việc quảng bá về sản phẩm, dịch vụ mà Bên A cung cấp cho bên B, bao gồm: tờ rơi, biển quảng cáo,...
- 1.6. **“Thẻ Đại lý”**: là thẻ dùng để lưu giữ thông tin của đại lý
- 1.7. **“Thẻ Khách hàng”**: là thẻ dùng để lưu giữ thông tin của khách hàng,
- 1.8. **“Tiền Đặt cọc”**: là khoản tiền Bên B giao cho bên A theo quy định tại Phụ lục A Hợp đồng (gọi là tài sản đặt cọc) để bảo đảm việc thực hiện Hợp đồng. Bên B không được sử dụng khoản tiền này để giao dịch trong quá trình hoạt động và sẽ được hoàn trả lại sau khi hai Bên hoàn tất thủ tục thanh lý Hợp đồng.
- 1.9. **“Chính sách về Phòng chống rửa tiền”**: là tất cả các luật, quy định, hệ thống và chính sách áp dụng liên quan đến phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, cấm vận kinh tế đối với một số nước hoặc người được chỉ định, nhận biết khách hàng, xác minh thông tin nhận biết khách hàng, hoặc giám sát hoặc báo cáo các giao dịch đáng ngờ, như được ban hành bởi bất kỳ cơ quan có thẩm quyền liên quan nào hoặc được Bên A áp dụng tại từng thời điểm.
- 1.10. **“Chính sách về Phòng chống tham nhũng”**: là tất cả các luật, quy định và chính sách áp dụng liên quan đến chống tham nhũng hoặc hối lộ, như được ban hành bởi bất kỳ cơ quan có thẩm quyền liên quan nào hoặc được Bên A áp dụng tại từng thời điểm.
- 1.11. **“Khách hàng”**: Là người sử dụng cuối các dịch vụ do Bên A cung cấp

- 1.12. **“Thông tin Khách hàng”**: là tập hợp các dữ liệu được Bên A sử dụng để quản lý khách hàng, bao gồm, nhưng không giới hạn, các thông tin như tên, địa chỉ, số điện thoại, số chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu, lịch sử giao dịch cùng những thông tin khác có liên quan đến quá trình cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

Điều 2: Quyền và nghĩa vụ của Bên A

2.1. Quyền của Bên A

- 2.1.1. Bên A có quyền kiểm tra, giám sát Bên B trong việc thực hiện và tiến hành dịch vụ cũng như việc tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Bên A.
- 2.1.2. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng với Bên B vào bất cứ thời điểm nào mà không phải chịu bất cứ trách nhiệm nào, không phải thanh toán tiền bồi thường thiệt hại cho Bên B và không phải bị chịu phạt nếu Bên B:
- + Vi phạm nghĩa vụ bảo mật đối với thông tin khách hàng;
 - + Thực hiện không đúng quy trình gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới khách hàng hoặc Bên A;
 - + Vi phạm về quy trình thực hiện giao dịch do Bên A ban hành;
 - + Vi phạm các điều khoản và điều kiện nêu trong Hợp đồng này;
 - + Không tuân thủ quy định và chính sách về Phòng chống rửa tiền, quy định và chính sách về Phòng chống tham nhũng.
- 2.1.3. Được miễn trừ hoàn toàn mọi trách nhiệm pháp lý, kinh tế liên quan trong quá trình Bên B hoạt động và cung cấp dịch vụ nằm ngoài phạm vi hợp tác theo Hợp đồng này và/hoặc Bên B có sự tác động bởi cơ quan quản lý Nhà nước.
- 2.1.4. Được quyền không thanh toán cho Bên B trong trường hợp Bên B vi phạm nghĩa vụ được nêu trong Hợp đồng này và các Phụ lục đính kèm Hợp đồng.

2.2. Nghĩa vụ của Bên A:

- 2.2.1. Hướng dẫn Bên B cách thức vận hành các dịch vụ của Bên A (dựa trên sách hướng dẫn do Bên A cung cấp).
- 2.2.2. Ủy quyền cho Bên B trong việc triển khai các dịch vụ của Bên A. Trong quá trình cung cấp dịch vụ trên, tại mọi thời điểm Bên A có quyền điều chỉnh và/hoặc thay đổi chính sách của Bên A và sẽ thông báo cho Bên B bằng văn bản và/hoặc thư điện tử (email).
- 2.2.3. Bên A có trách nhiệm cho Bên B mượn các trang thiết bị và tài liệu quy định ở Phụ lục A của Hợp đồng này để Bên B phát triển kinh doanh. Việc bàn giao phải có Biên bản bàn giao mô tả tình trạng của các trang thiết bị và có đầy đủ chữ ký của hai Bên.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Bên B

3.1. Quyền của Bên B

- 3.1.1. Được thực hiện các dịch vụ do Bên A cung cấp trong phạm vi của Hợp đồng này;

- 3.1.2. Được quyền yêu cầu Bên A hướng dẫn kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và cung cấp thông tin tài liệu cần thiết cho Bên B để thúc đẩy việc thực hiện dịch vụ;
- 3.1.3. Được quyền yêu cầu Bên A hỗ trợ trực tiếp đối với các trường hợp vướng mắc, khiếu nại cần giải quyết cho khách hàng thông qua tổng đài chăm sóc khách hàng **1900 636486** của Bên A.
- 3.1.4. Được hưởng chính sách về phí theo quy định của Bên A tại phụ lục B của Hợp đồng này.

3.2. Nghĩa vụ của Bên B

- 3.2.1. Tuân thủ Luật áp dụng, quy định và chính sách về phòng chống rửa tiền, quy định và chính sách về phòng chống tham nhũng khi tiến hành hoạt động kinh doanh của mình.
- 3.2.2. Chịu trách nhiệm trong việc thực hiện dịch vụ. Bên B không được lợi dụng danh nghĩa, nhãn hiệu hoặc bất kỳ đặc điểm nhận dạng nào khác của Bên A vì bất kỳ mục đích nào ngoài mục đích thực hiện dịch vụ. Không được thực hiện bất kỳ hành vi nào gây ảnh hưởng không tốt đến nhãn hiệu, hình ảnh, quyền, lợi ích của Bên A. Trường hợp hành động của Bên B có gây ảnh hưởng đến Bên A, Bên A có quyền yêu cầu Bên B ngay lập tức chấm dứt hành vi gây ảnh hưởng trên, Bên B đảm bảo sẽ thực hiện đầy đủ yêu cầu liên quan của Bên A.
- 3.2.3. Bên B phải đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn của Bên A theo quy định tại phụ lục của Hợp đồng.
- 3.2.4. Bên B phải tự chi trả tất cả các chi phí phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Bên B.
- 3.2.5. Kiểm tra chặt chẽ các điều kiện của khách hàng và tuân thủ các quy định của Bên A trước khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Trong quá trình thực hiện dịch vụ, nếu có khó khăn phát sinh, Bên B phải liên hệ ngay với Bên A để được hướng dẫn cụ thể, nếu trường hợp Bên B tự giải quyết dẫn đến hậu quả và thiệt hại thì Bên B phải chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại xảy ra. Trong quá trình giao dịch với khách hàng, Bên B không được gây tổn hại đến uy tín và thiệt hại cho Bên A.
- 3.2.6. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết về dịch vụ cho khách hàng. Tiếp nhận các thông tin phản ánh từ khách hàng và thông báo lại cho Bên A để kịp thời xử lý nhằm đảm bảo uy tín và hiệu quả kinh doanh của hai Bên.
- 3.2.7. Thay mặt Bên A thu phí dịch vụ theo đúng quy định tại phụ lục B của Hợp đồng này. Bên B không được phép thu thêm bất cứ khoản phí hoặc phụ thu nào khác và hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu khách hàng khiếu nại về các vấn đề khác không liên quan đến Hợp đồng đã ký với Bên A.
- 3.2.8. Sử dụng hóa đơn, chứng từ đặc thù của Bên A để thực hiện dịch vụ. Tùy theo từng thời điểm, Bên A có quyền thay đổi quy định về sử dụng, lưu trữ hóa đơn, chứng từ đặc thù của Bên A để thực hiện dịch vụ và thông báo cho Bên B. Bên B có trách nhiệm chấp hành nghiêm túc việc lưu trữ, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ liên quan.

- 3.2.9. Bảo quản các trang thiết bị do Bên A cung cấp trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng này.
- 3.2.10. Ngay sau khi ký Hợp đồng, Bên B phải thực hiện việc đặt cọc cho Bên A theo quy định tại phụ lục A của Hợp đồng này. Số tiền đặt cọc sẽ được Bên A hoàn trả lại cho Bên B khi 2 Bên chấm dứt và Thanh lý Hợp đồng, sau khi trừ đi chi phí phát sinh mà Bên B nợ Bên A (nếu có).
- 3.2.11. Bên B chịu trách nhiệm nộp mọi khoản thuế, phí có liên quan đến khoản tiền chiết khấu, hoa hồng nhận từ Bên A theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.
- 3.2.12. Bên B chịu trách nhiệm về tất cả các giấy phép và/hoặc chấp thuận từ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cần thiết (nếu có), cho hoạt động của Bên B theo Hợp đồng này.
- 3.2.13. Chịu trách nhiệm chính trong việc cung cấp và quảng bá Dịch Vụ tới khách hàng. Bên B cam kết và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của dịch vụ và thông tin về dịch vụ, đảm bảo tính chân thực và chính xác của các thông tin quảng cáo giới thiệu Dịch vụ đến khách hàng. Bên B cũng cam kết rằng Bên B sẽ niêm yết cụ thể giá sử dụng Dịch vụ trong mọi hình thức quảng cáo và giới thiệu Dịch Vụ do Bên B tiến hành. Trong trường hợp Bên B vi phạm các quy định trên và bị các cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu dừng dịch vụ hoặc gây ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, uy tín của Bên A, Bên A sẽ được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không cần phải thông báo trước cho Bên B.
- 3.2.14. Bên B bảo đảm rằng Bên A không chịu bất cứ khiếu nại, hư hỏng, tổn thất hay trách nhiệm (hình sự hoặc dân sự) bao gồm cả chi phí pháp lý và các phí tổn khác phát sinh cho Bên A do sự vi phạm Hợp đồng của Bên B, bao gồm hành động, sự bất cẩn hay lỗi của nhân viên, đối tác... của Bên B. Trong trường hợp Bên B hay các đối tác của Bên B vi phạm bất cứ điều khoản nào của Hợp đồng này, Bên B sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất thực tế và trực tiếp gây ra cho Bên A do lỗi vi phạm Hợp đồng.

Điều 4: Bất khả kháng

- 4.1. Sự kiện bất khả kháng là những sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép, bao gồm nhưng không giới ở các sự kiện như thiên tai, hoả hoạn, lũ lụt, động đất, tai nạn, thảm hoạ, hạn chế về dịch bệnh, nhiễm hạt nhân hoặc phóng xạ, chiến tranh, nội chiến, khởi nghĩa, đình công hoặc bạo loạn, can thiệp của cơ quan Chính phủ... hoặc những sự kiện không thể lường trước được và không có nghĩa vụ phải biết trước dẫn đến việc không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng hay có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới hiệu lực của Hợp đồng.
- 4.2. Trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc thư điện tử cho Bên còn lại.

- 4.3. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, thì nghĩa vụ của các Bên tạm thời không thực hiện và sẽ ngay lập tức phục hồi lại các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng khi chấm dứt sự kiện bất khả kháng hoặc khi sự kiện bất khả kháng đó bị loại bỏ.
- 4.4. Nếu các tình huống do sự kiện bất khả kháng gây ra kéo dài hơn sáu (06) tháng, các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này sẽ được xem xét một cách hợp lý và thống nhất giữa hai Bên.

Điều 5. Bảo mật thông tin

- 5.1. Mỗi Bên cam kết không được phép tiết lộ thông tin trong Hợp đồng này dưới bất cứ hình thức nào cho một Bên thứ ba nào khác không có thẩm quyền.
- 5.2. Không phụ thuộc vào quy định của Điều 5.1, Bên A có thể tiết lộ thông tin liên quan đến dịch vụ, các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này cho:
 - Các nhân viên, viên chức, đại diện, cố vấn, đại lý của mình với điều kiện người nhận thông tin là những người liên quan trực tiếp đến việc triển khai Hợp đồng này và người nhận thông tin cam kết sẽ giữ bí mật các thông tin đó;
- 5.3. Mỗi Bên phải tiến hành mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng các nhân viên của mình hay bất cứ ai thuộc sự quản lý của mình sẽ tuân thủ các quy định của Điều 5.
- 5.4. Nghĩa vụ bảo mật theo Điều 5 sẽ kéo dài trong suốt thời hạn của Hợp đồng.

Điều 6. Xử lý vấn đề và giải quyết tranh chấp

- 6.1. Trong trường hợp xảy ra các sự cố kỹ thuật trong khi cung cấp dịch vụ, hai Bên phải phối hợp chặt chẽ để nhanh chóng giải quyết sự cố.
- 6.2. Trong trường hợp phát sinh các thiệt hại do hệ thống kỹ thuật hỗ trợ mà Bên B hoặc Bên A cung cấp bao gồm nhưng không giới hạn bởi sự cố xử lý giao dịch, nhầm lẫn tin, gian lận, lỗi nghiệp vụ thì lỗi của Bên nào thì Bên đó phải chịu trách nhiệm bồi thường.
- 6.3. Hai Bên cùng có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nội dung Hợp đồng. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải giữa hai Bên. Trường hợp thương lượng, hòa giải không thành thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền.

Điều 7. Trách nhiệm khi vi phạm Hợp đồng

- 7.1. Vi phạm Hợp đồng được hiểu là vi phạm bất cứ điều khoản nào đã được ghi trong Hợp đồng này. Nếu Bên vi phạm không có bất kỳ biện pháp xử lý hay điều chỉnh gì ngay khi nhận được thông báo của Bên kia, thì Bên vi phạm phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về mặt pháp lý cũng như đền bù thiệt hại về vật chất do việc vi phạm Hợp đồng gây ra theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

7.2. Trách nhiệm của Bên vi phạm trong trường hợp Hợp đồng bị đơn phương chấm dứt được quy định tại Điều 8.3.

Điều 8. Sửa đổi và chấm dứt Hợp đồng

- 8.1. Hợp đồng này sẽ có thể được sửa đổi theo các thỏa thuận của các Bên và được thể hiện bằng phụ lục của Hợp đồng.
- 8.2. Hợp đồng này được chấm dứt trong các trường hợp sau:
- Khi Bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo khoản 2.1.2 Điều 2 của Hợp đồng này;
 - Các Bên cùng thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng này;
 - Một trong hai Bên bị phá sản, giải thể hoặc đình chỉ hoạt động. Trong trường hợp này, Hợp đồng sẽ tự động chấm dứt trừ khi pháp luật có quy định khác;
 - Khi một trong hai Bên nhận thấy Bên còn lại đang vi phạm những quy định tại Hợp đồng;
 - Khi xảy ra một sự kiện bất khả kháng, gây ảnh hưởng đáng kể và dẫn đến việc Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ được quy định trong Hợp đồng này mặc dù Bên đó đã hết sức nỗ lực để khắc phục ảnh hưởng của sự kiện bất khả kháng;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 8.3. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng:
- Một Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nếu chứng minh được Bên kia đã vi phạm các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này và không có bất kỳ sửa chữa, khắc phục nào;
 - Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng theo khoản 2.1.2 Điều 2 của Hợp đồng này;
 - Nếu Hợp đồng này bị đơn phương chấm dứt bởi Bên vi phạm, thì Bên vi phạm phải bồi thường cho Bên bị vi phạm toàn bộ thiệt hại liên quan đến tổn thất thực tế, trực tiếp theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- 8.4. Các Bên phải hoàn thành mọi nghĩa vụ còn tồn đọng khi chấm dứt Hợp đồng. Bên A sẽ tiến hành đánh giá tình trạng thiết bị đã cung cấp cho Bên B trước khi chấm dứt Hợp đồng. Trong trường hợp thiết bị bị hỏng/mất thì Bên B có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Bên A theo quy định tại phụ lục A của Hợp đồng.

Điều 9. Hiệu lực Hợp đồng

- 9.1. Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng một (01) năm kể từ ngày ký và được gia hạn bằng một phụ lục Hợp đồng nếu trong thời hạn 15 ngày trước khi hết hạn Hợp đồng các Bên không có văn bản thông báo cho nhau về việc chấm dứt Hợp đồng. Mỗi lần gia hạn là một (01) năm kể từ ngày chấm dứt thời hạn trước đó.
- 9.2. Hợp đồng này được lập thành hai (02) bản gốc, mỗi Bên giữ một (01) bản gốc và có giá trị pháp lý như nhau.

Điều 10. Thông báo

- 10.1. Mọi thông báo và thông tin liên lạc chính thức liên quan đến Hợp đồng này sẽ được gửi tới địa chỉ của các Bên như nêu trong Hợp đồng.
- 10.2. Các Bên có thể thay đổi địa chỉ bằng cách gửi thông báo hợp lệ bằng văn bản cho Bên kia.

Điều 11. Điều khoản thi hành

- 11.1. Các tài liệu đính kèm theo Hợp đồng này bao gồm phụ lục và các văn bản bổ sung của Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng và hai Bên phải có nghĩa vụ chấp hành. Hợp đồng này thay thế các văn bản thỏa thuận, trao đổi trước đây giữa hai Bên liên quan đến việc xây dựng, phát triển dịch vụ.
- 11.2. Việc lập Hợp đồng này, hiệu lực, giải thích, ký kết và giải quyết tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này sẽ tuân theo và được giải thích theo pháp luật của Việt Nam.

Điều 12. Đầu mối liên hệ

STT	Nội dung công việc	Bên A	Bên B
1	Chăm sóc Khách hàng	Hotline: 1900 636486 Email: cskh@1pay.vn	
2	Hỗ trợ Kỹ thuật	Hotline: 0961153685 Email: support@1pay.vn	

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC A

QUY ĐỊNH VỀ ĐẠI LÝ

(Đính kèm Hợp đồng hợp tác cung cấp Dịch vụ thanh toán Số: [STT]-[tháng]-[năm]/TMN-[Loại Hợp đồng], ký ngày...tháng...năm.... giữa Bên A và Bên B)

Điều 1. Tiêu chuẩn trở thành Đại lý của 1Pay

Để trở thành đại lý của 1PAY, Bên B cần phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

1.1. Về nhân thân:

- Là Công dân Việt Nam
- Đủ 18 tuổi trở lên
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ

1.2. Về cơ sở hạ tầng:

- Có mặt bằng ở khu vực đông dân cư qua lại, có diện tích kinh doanh đủ rộng rãi, đảm bảo sự uy tín, tin tưởng. Mặt bằng này có thể thuộc quyền sở hữu của Bên B (Bên B có sổ hộ khẩu và/hoặc các giấy tờ hợp pháp về nhà đất) hoặc nhà thuê có hợp đồng thuê nhà thời hạn tối thiểu một (01) năm tại thời điểm ký kết hợp đồng này;
- Phải có không gian để đặt quảng cáo dịch vụ của Bên A;

1.3. Về chất lượng dịch vụ:

- Tối thiểu phải mở cửa 8 tiếng/ ngày;
- Có khả năng thanh khoản;
- Tổng giá trị giao dịch phát sinh trong ba (03) tháng liên tiếp phải đạt tối thiểu năm triệu đồng (5.000.000VNĐ);
- Đảm bảo mức đặt cọc theo quy định của Bên A.

1.4. Các yêu cầu khác:

- Có khả năng ghi chép sổ sách và giấy tờ;
- Có khả năng tiếp thu các kiến thức cơ bản về dịch vụ;
- Có thái độ niềm nở và lịch sự với khách hàng;
- Có khả năng hướng dẫn khách hàng sử dụng dịch vụ.

Điều 2. Quy định về việc đặt cọc

2.1. Ngay sau khi ký kết hợp đồng, Bên B phải nộp cho Bên A số tiền được quy định như sau:

- Đặt cọc số tiền 1.200.000 VNĐ (Một triệu hai trăm ngàn đồng) để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, Bên B là một trong 500 Đại lý đầu tiên của Bên A, nên Bên B sẽ được hưởng chính sách ưu đãi áp dụng trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng như sau: **không phải nộp số tiền đặt cọc 1.200.000VNĐ (Một triệu hai trăm ngàn đồng)** như quy định tại Phụ lục này;

- Nạp tiền vào tài khoản của Bên B số tiền tối thiểu 2.000.000VNĐ (Hai triệu đồng). Bên B có thể dùng số tiền này để sử dụng các dịch vụ của Bên A. Các lần nạp tiền tiếp theo, Bên B có thể nạp số tiền theo nhu cầu đăng ký của mình. Số tiền nạp phải đảm bảo lớn hơn hoặc bằng 1.000.000VNĐ (Một triệu đồng);
- 2.2. Hình thức thanh toán: chuyển khoản. Đơn vị sử dụng là tiền Việt Nam (VNĐ). Bên A hỗ trợ thanh toán các chi phí chuyển khoản liên quan theo biểu phí hiện hành của ngân hàng.

Điều 3. Danh sách trang thiết bị cung cấp ban đầu cho Đại lý

Bên A sẽ trang bị cho Bên B những trang thiết bị ban đầu với số lượng như quy định dưới đây. Những lần tiếp theo, nếu Bên B có yêu cầu bổ sung trang thiết bị, Bên A sẽ xem xét yêu cầu này dựa trên số lượng giao dịch, số lượng khách hàng thực tế của Bên B và cấp phát bổ sung tùy theo quy định tại từng thời điểm.

STT	TRANG THIẾT BỊ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	GIÁ TRỊ (VNĐ)	YÊU CẦU
1	Thiết bị đầu cuối (POS)	01	6.000.000	6.000.000	Đã kích hoạt
2	Thẻ Đại lý	01	100.000	100.000	
3	Bộ sạc	01	200.000	200.000	
4	Pin	01	200.000	200.000	
5	Thẻ khách hàng	50	20.000	1.000.000	
6	Sim 3G	01	60.000	60.000	
7	Giá để Brochure	01	40.000	40.000	
8	Poster	01	20.000	20.000	
9	Standee	01	220.000	220.000	
TỔNG GIÁ TRỊ (VNĐ)				7.840.000	
<i>Bằng chữ: Bảy triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn./.</i>					

Điều 4. Quy định về bồi thường thiệt hại

- 4.1. Khi ký kết hợp đồng, Bên A sẽ cho Bên B mượn các thiết bị như trong Điều 3 của phụ lục này. Tổng giá trị của các thiết bị: 7.840.000VNĐ (Bảy triệu tám trăm bốn mươi ngàn đồng chẵn). Các tài sản này thuộc về Bên A, do đó Bên B không được quyền cho mượn hoặc chuyển/chuyển nhượng cho Bên thứ ba.

4.2. Bên B có nghĩa vụ giữ gìn và bảo vệ các thiết bị do Bên A cung cấp. Trong trường hợp có thiệt hại xảy ra, Bên A có quyền áp dụng các quy định về bồi thường thiệt hại dựa trên các mức độ và loại thiệt hại thực tế phát sinh.

4.3. Quy định bồi thường thiệt hại

4.3.1. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại

Việc bồi thường căn cứ vào mức độ thiệt hại thực tế xảy ra trong quá trình Bên B thực hiện hợp đồng cho Bên A, Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra.

4.3.2. Chính sách bồi thường

- Việc bồi thường sẽ căn cứ trên giá trị của thiết bị/phụ kiện bị mất mát, hư hỏng quy định tại Điều 3 của Phụ lục này;
- Trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày Bên B nhận được thông báo về việc bồi thường thiệt hại, Bên B sẽ bồi thường thiệt hại cho Bên A theo mức bồi thường thiệt hại được quy định tại Điều 4.3.3 của Phụ lục này;
- Nếu sau ba (03) ngày mà Bên B không thanh toán cho Bên A các thiệt hại phát sinh, Bên A sẽ tự động khấu trừ số tiền tương ứng trong tài khoản của Bên B. Trong trường hợp khấu trừ không đủ so với mức bồi thường thiệt hại, Bên B phải bồi thường phần giá trị còn lại cho Bên A bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Bên A.

4.3.3. Mức bồi thường thiệt hại.

- Trong trường hợp các tài liệu, thiết bị này hỏng do lỗi của nhà sản xuất, Bên A sẽ cấp các tài liệu, thiết bị khác cho Bên B để thay thế mà không tính thêm chi phí nào khác;
- Trong trường hợp các thiết bị/phụ kiện đề cập trong Điều 3 của Phụ lục này bị mất, hỏng mà nguyên nhân do sự cố ý hay sơ ý của Bên B, Bên B phải chịu mức bồi thường theo giá trị quy định tại Điều 3 của Phụ lục này.

Điều 5. Hiệu lực của Phụ lục

Phụ lục này được Bên A và Bên B ký ngày...tháng...năm..... và là một phần không tách rời của Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ thanh toán số: [STT]-[tháng]-[năm]/TMN-[Loại Hợp đồng], ngày...tháng...năm.....giữa Bên A và Bên B.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC B

QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH DỊCH VỤ

(Đính kèm Hợp đồng Hợp tác cung cấp Dịch vụ thanh toán Số: [STT]-[tháng]-[năm]/TMN-[Loại Hợp đồng], ký ngày...tháng...năm.... giữa Bên A và Bên B)

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

- 1.1. **Dịch vụ nạp tiền vào tài khoản(Top-up):** Là việc Bên A cho phép Bên B sử dụng tài khoản của mình để nạp tiền trực tiếp vào tài khoản dịch vụ của khách hàng.
- 1.2. **Dịch vụ mua mã thẻ:** là việc Bên A cho phép Bên B sử dụng tài khoản của mình để lấy mã thẻ cung cấp cho Khách hàng.
- 1.3. **Dịch vụ thanh toán hóa đơn:** là việc Bên A cho phép Bên B sử dụng tài khoản của mình để thanh toán các loại hóa đơn cho Khách hàng.
- 1.4. **Hoa hồng:** là khoản tiền Bên A chiết khấu cho Bên B trên các dịch vụ mà Bên A cung cấp.
- 1.5. **DT_B:** là tổng doanh thu (tổng hoa hồng đã bao gồm thuế GTGT) mà Bên B được hưởng (đơn vị: VNĐ).
- 1.6. **DT_{B_topup} , DT_{B_mathe} , DT_{B_hoadon}:** là hoa hồng cho từng loại dịch vụ (dịch vụ nạp tiền vào tài khoản (Top-up), dịch vụ mua mã thẻ, dịch vụ thanh toán hóa đơn) mà Bên B được hưởng (đơn vị: VNĐ)
- 1.7. **GT_{DV_topup} , GT_{DV_mathe} , GT_{DV_hoadon}:** là giá trị của từng loại dịch vụ (Giá trị dịch vụ nạp tiền vào tài khoản (Top-up), Giá trị dịch vụ mua mã thẻ, Giá trị dịch vụ thanh toán hóa đơn).
- 1.8. **TL_{DV_topup} , TL_{DV_mathe} , TL_{DV_hoadon}:** là tỷ lệ chia sẻ doanh thu (%) Bên B được hưởng đối với từng loại dịch vụ (dịch vụ nạp tiền vào tài khoản (Top-up), dịch vụ mua mã thẻ, dịch vụ thanh toán hóa đơn).

Điều 2. Doanh thu Bên B được hưởng (hoa hồng khi thực hiện dịch vụ)

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng với Bên A, Bên B được hưởng chính sách hoa hồng về dịch vụ theo quy định ở Phụ lục này. Bên B là một trong 500 Đại lý đầu tiên của Bên A nên được hưởng chính sách hoa hồng về dịch vụ áp dụng đối với Đại lý vàng được niêm yết công khai tại địa chỉ website: <http://www.truemoney.com.vn>

Tổng hoa hồng Bên B được hưởng được tính theo công thức sau:

$$\mathbf{DT_B = DT_{B_topup} + DT_{B_mathe} + DT_{B_hoadon}}$$

(1) (2) (3)

Trong đó, hoa hồng Bên B được hưởng theo từng loại dịch vụ cụ thể được tính như sau:

(1) Doanh thu Bên B được hưởng (Hoa hồng dịch vụ Top-up)

Công thức tính: $DT_{B_topup} = GT_{DV_topup} \times TL_{DV_topup}$

Tỷ lệ chi tiết về hoa hồng cho Bên B đối với dịch vụ nạp tiền vào tài khoản (Top-up) được niêm yết công khai trên website của Bên A tại địa chỉ website: <http://www.truemoney.com.vn>

Ví dụ:

Bên B nạp thẻ điện thoại Top-up trả trước Vinaphone mệnh giá 100.000VNĐ

Tỷ lệ chia sẻ (TL_{DV_topup}): 5.4%/ Giao dịch thành công

Hoa hồng Bên B (DT_{B_topup}) được tính như sau:

$$DT_{B_topup} = MD_{DV_topup} \times TL_{DV_topup} = 100.000 \times 5.4\% = 5.400 \text{ VNĐ}$$

(2) Doanh thu Bên B được hưởng (Hoa hồng dịch vụ mua mã thẻ)

Công thức tính: $DT_{B_mathe} = GT_{DV_mathe} \times TL_{DV_mathe}$

Tỷ lệ chi tiết về hoa hồng cho Bên B đối với dịch vụ mua mã thẻ được niêm yết công khai trên website của Bên A tại địa chỉ website: <http://www.truemoney.com.vn>

Ví dụ:

Bên B mua mã thẻ Game của Garena mệnh giá 100.000VNĐ

Tỷ lệ chia sẻ (TL_{DV_mathe}): 6%/ Giao dịch thành công

Hoa hồng Bên B (DT_{B_mathe}) được tính như sau:

$$DT_{B_mathe} = GT_{DV_mathe} \times TL_{DV_mathe} = 100.000 \times 6\% = 6.000 \text{ VNĐ}$$

(3) Doanh thu Bên B được hưởng (Hoa hồng dịch vụ thanh toán hóa đơn)

Công thức tính: $DT_{B_hoadon} = GT_{DV_hoadon} \times TL_{DV_hoadon}$

Tỷ lệ chi tiết về hoa hồng cho Bên B đối với dịch vụ thanh toán hóa đơn được niêm yết công khai trên website của Bên A tại địa chỉ website: <http://www.truemoney.com.vn>

Ví dụ:

Bên B thanh toán hóa đơn dịch vụ truyền hình cab VTC giá trị 100.000VNĐ

Tỷ lệ chia sẻ (TL_{DV_hoadon}): 3%/ Giao dịch thành công

Hoa hồng Bên B (DT_{B_hoadon}) được tính như sau:

$$DT_{B_hoadon} = MD_{DV_hoadon} \times TL_{DV_hoadon} = 100.000 \times 3\% = 3.000 \text{ VNĐ}$$

Điều 3. Hiệu lực của Phụ lục B

Phụ lục này được Bên A và Bên B ký ngày...tháng...năm..... và là một phần không tách rời của Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ thanh toán số: *[STT]-[tháng]-[năm]/TMN-[Loại Hợp đồng]*, ngày...tháng...năm.....giữa Bên A và Bên B.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC C

QUY ĐỊNH VỀ VIỆC BÀN GIAO TRANG THIẾT BỊ

(Đính kèm Hợp đồng Hợp tác cung cấp Dịch vụ thanh toán Số: [STT]-[tháng]-[năm]/TMN-[Loại Hợp đồng], ký ngày...tháng...năm.... giữa Bên A và Bên B)

Điều 1. Danh sách trang thiết bị bàn giao

Ngay sau khi ký Hợp đồng, Bên A sẽ bàn giao cho Bên B những trang thiết bị sau:

STT	Hạng mục bàn giao	ĐVT	SL	Mã hiệu	Tình trạng
1	Thiết bị đầu cuối (POS)	Chiếc	01	
2	Thẻ Đại lý	Chiếc	01	
3	Bộ sạc	Chiếc	01	
4	Pin	Chiếc	01	
5	Thẻ khách hàng	Chiếc	50	
6	Sim 3G	Chiếc	01	
7	Giá đỡ Brochure	Chiếc	01	
8	Poster	Chiếc	01	
9	Standee	Chiếc	01	

Bằng việc ký vào Phụ lục này, Bên B xác nhận đã nhận đầy đủ các trang thiết bị do Bên A bàn giao như danh sách trên đây.

Điều 2. Hiệu lực của Phụ lục

Phụ lục này được Bên A và Bên B ký ngày...tháng...năm.... và là một phần không tách rời của Hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ thanh toán số: [STT]-[tháng]-[năm]/TMN-[Loại Hợp đồng], ngày...tháng...năm.... giữa Bên A và Bên B.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B